

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG RIỀNG
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 26/2024/DS-ST
Ngày: 31-01-2024
“V/v Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hà Bửu Khánh

Ông Võ Minh Tuấn

- Th- ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phụng - Là Th- ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 01 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 67/2023/TLST-DS ngày 23 tháng 03 năm 2023 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 345/2023/QĐXXST-DS ngày 29 tháng 9 năm 2023. Giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Hộ kinh doanh Phong Lập

Đại diện hộ kinh doanh Nguyễn Kim L, sinh năm 1966. Có mặt

Địa chỉ: Số C khu phố F, thị trấn G, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

-Bị đơn: Bà Đỗ Diệu L1 - sinh năm: 1964. Vắng mặt

Địa chỉ: Khu Phố F, thị trấn G, huyện Giồng Riềng, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa, người đại diện cho nguyên đơn - bà Nguyễn Kim L trình bày:

Khoảng từ ngày 27 tháng 10 năm 2013 đến ngày 01 tháng 4 năm 2016, Hộ kinh doanh Phong Lập có bán phân bón và thuốc trừ sâu cho Đỗ Diệu L1 nhiều vụ,

hàng năm bà **L1** đều trả nợ 01 phần và nợ lại một phần, theo thỏa thuận sau 04 tháng không trả thì sẽ tính lãi, lãi suất 1.6%/tháng, có cấp sổ phụ cho khách hàng giữ và 01 sổ cái lưu giữ tại cửa hàng. Đến khi chốt sổ vào ngày 27/4/2021, bà **L1** còn nợ lại Hộ kinh doanh Phong Lập số tiền gốc 178.169.000 đồng và tiền lãi mức 1.6%/tháng là 238.155.000 đồng.

Hộ kinh doanh Phong Lập có yêu cầu bà **L1** phải trả tiền mua vật tư nông nghiệp tiền gốc 178.169.000 đồng, tiền lãi từ ngày 27/10/2013 đến ngày 27/4/2021 là 238.155.000 đồng, tổng cộng 416.324.000 đồng, không yêu cầu tính lãi từ ngày 28/4/2021 cho đến ngày xét xử.

Tại bản tự khai và phiên hòa giải, bị đơn - bà **Đỗ Diệu L1** trình bày:

Bà **L1** thừa nhận có mua vật tư nông nghiệp tại Hộ kinh doanh Phong Lập nhiều năm, từ năm 2013 hàng năm đều có trả một phần và có nợ lại một phần tiền. Hiện các sổ mua phân bà không còn lưu giữ. Bà **L1** thừa nhận đến cuối năm 2021, hai bên có chốt sổ thì bà **L1** còn nợ Cửa hàng Phong Lập số tiền gốc 178.169.000 đồng và tiền lãi 238.155.000 Đồng. Kể từ ngày 27/4/2021 cho đến nay thì bà không còn mua phân và cũng không trả nợ cho **Cửa hàng P1**. Nay Hộ kinh doanh **Phong L2** yêu cầu bà trả tiền mua vật tư nông nghiệp tiền gốc 178.169.000 đồng, tiền lãi từ ngày 27/10/2013 đến ngày 27/4/2021 là 238.155.000 đồng thì bà thống nhất phần nợ gốc là 178.169.000 đồng, còn phần nợ lãi 238.155.000 đồng do điều kiện hoàn cảnh khó khăn, xin giảm bớt 50% nợ lãi. Số tiền còn lại bà xin trả dần.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Hộ kinh doanh Phong Lập khởi kiện yêu cầu bà **Đỗ Diệu L1** phải trả tiền mua vật tư nông nghiệp đây là tranh chấp hợp đồng dân sự mua bán tài sản. Bị đơn có nơi cư trú tại **huyện G, tỉnh Kiên Giang**. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, **T1** án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm là đúng trình tự, thủ tục.

Bà **L1** đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mà không lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà **L1** theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét hợp đồng dân sự mua bán tài sản:

Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự cùng xác định từ tháng 10/2013 đến ngày 01/4/2016, bà **L1** mua vật tư nông nghiệp tại **H** kinh doanh **P**. Hàng năm

bà **L1** đều trả nợ 01 phần và nợ lại một phần, theo thỏa thuận sau 04 tháng không trả thì sẽ tính lãi, lãi suất 1.6%/tháng, có cấp sổ phụ cho khách hàng giữ và 01 sổ cái lưu giữ tại cửa hàng. Ngày 27/4/2021, hai bên cùng chốt lại số nợ theo “Giấy nhận nợ ngày 27/4/2021”, tiền gốc là 178.169.000 đồng.

Các đương sự đều thừa nhận sự việc tự nguyện thỏa thuận giao kết hợp đồng mua bán tài sản. Các bên tham gia giao dịch có đầy đủ năng lực pháp luật hành vi dân sự, tham gia giao dịch hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung của giao dịch không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, hình thức giao dịch được thể hiện bằng lời nói, đối tượng của hợp đồng phù hợp quy định của pháp luật. Do đó hợp đồng mua bán tài sản được xác lập hợp pháp theo quy định tại Điều 122 và Điều 124 của Bộ luật Dân sự năm 2005.

Theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự những tình tiết, sự kiện đã được “*một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận chuyên môn của bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”. Như vậy có cơ sở xác định việc bà **L1** có giao kết hợp đồng mua bán tài sản giữa Hộ kinh doanh **Phong L2** và bà **L1** còn nợ lại **H1** kinh doanh Phong Lập số tiền gốc là 178.169.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã giao nhận đủ số vật tư nông nghiệp thỏa thuận sau 04 tháng là ngày đến hạn thanh toán, lãi suất thỏa thuận là 1.6%/01 tháng. Hai bên không lập hợp đồng mua bán cụ thể, chỉ thỏa thuận bằng lời nói, sau đó ghi vào sổ cái lưu giữ tại **cửa hàng P1** và sao sổ phụ giao cho bên mua, khi nào thanh toán tiền xong thì sẽ tiến hành gạch sổ.

Xét thấy các đương sự cùng thống nhất số nợ gốc theo biên nhận ngày 27/4/2021. Theo quy định tại Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005 thì bên mua có nghĩa vụ thanh toán tiền mua hàng và nhận hàng theo thỏa thuận, bà **L1** đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền do đó Hộ kinh doanh Phong Lập yêu cầu bà **Đỗ Diệu L1** phải thanh toán tiền gốc mua hàng còn thiếu là 178.169.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu tính lãi của **H1** kinh doanh Phong Lập:

Xét thấy quá trình giao dịch mua bán, hai bên cùng thống nhất sau thời hạn 04 tháng không thanh toán thì sẽ tính lãi 1.6%/tháng, tại Giấy nhận nợ ngày 27/4/2021, **H1** kinh doanh **Phong L2** cùng xác định số tiền lãi tính đến ngày 27/4/2021 là 238.155.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, bà **L1** thừa nhận nợ lãi đã thỏa thuận và không có yêu cầu phản tố về việc xem xét nợ lãi mà chỉ xin giảm 50% nợ lãi nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

Tại phiên tòa, **H1** kinh doanh **Phong L2** có yêu cầu bà **L1** phải trả tiền mua vật tư nông nghiệp tiền gốc 178.169.000 đồng, tiền lãi từ ngày 27/10/2013 đến ngày 27/4/2021 là 238.155.000 đồng, tổng cộng 416.324.000 đồng theo giấy xác

nhận nợ giữa hai bên và không yêu cầu tính lãi từ ngày 27/4/2021 cho đến ngày xét xử là 31/01/2024 là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định pháp luật và có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Từ những phân tích trên, căn cứ Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005, Hội đồng xét xử buộc bà **L1** phải thanh toán số tiền mua vật tư nông nghiệp và tiền vay cho **H1** kinh doanh Phong Lập số tiền gốc là 178.169.000 đồng và tiền lãi là 238.155.000 đồng, tổng cộng là 416.324.000 đồng.

Để bảo đảm quyền lợi của người được thi hành án, kể từ ngày Hộ kinh doanh **Phong L2** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà **L1** không trả đủ tiền thì bà **L1** còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về án phí: □p dụng khoản 1 □iều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Do yêu cầu khởi kiện của **H1** kinh doanh Phong Lập được chấp nhận toàn bộ nên hoàn trả lại cho **H1** kinh doanh Phong Lập số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.326.000 đồng (*Mười triệu, ba trăm hai mươi sáu nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0007934 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà **Đỗ Diệu L1** là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn cho bà toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, khoản 1 □iều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 122, Điều 124, Điều 438 của Bộ luật Dân sự năm 2005; và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của **H1** kinh doanh Phong Lập đối với bà **Đỗ Diệu L1** về việc yêu cầu trả tiền mua vật tư nông nghiệp gốc còn thiếu là 178.169.000 đồng và tiền lãi là 238.155.000 đồng.

Buộc bà **Đỗ Diệu L1** phải trả cho cho **H1** kinh doanh Phong Lập số tiền gốc là 178.169.000 đồng và tiền lãi là 238.155.000 đồng tổng cộng là 416.324.000 đồng. (Bốn trăm, mười sáu triệu, ba trăm, hai mươi bốn nghìn đồng)

Kể từ ngày Hộ kinh doanh **Phong L2** có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, nếu bà **L1** không trả đủ tiền thì bà **L1** còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Hoàn trả lại cho **H1** kinh doanh Phong Lập số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 10.326.000 đồng (Mười triệu, ba trăm, hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007934 ngày 22/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng.

Bà **Đỗ Diệu L1** là người cao tuổi nên được miễn nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, **H1** kinh doanh Phong Lập được tính kể từ ngày tuyên án là ngày 31/01/2024. Bà **Đỗ Diệu L1** được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại □iều 2 Luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Thi hành án huyện;
- UBND xã;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thúy An

+